

Số: 29.082/2024/TB CBTT - ASP

TP. HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên Tổ chức : Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Mã chứng khoán : ASP
- Địa chỉ trụ sở chính : P.805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 03, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 54136338 Fax: 028 54136340
- Website : <https://anphapetrol.com> Email: luantran@anphapetrol.com
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:


- Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và công văn giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và công văn giải trình.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán ASP và công văn giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán ASP và công văn giải trình.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT

TRẦN DUY LUÂN

Số: 125/2024_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC Hợp Nhất bán niên năm 2024 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất bán niên năm 2024 và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất bán niên đạt được trong năm 2024 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với 6 tháng đầu năm 2023 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

| Chỉ tiêu | Số liệu 6 tháng | Số liệu 6 tháng | Chênh |
|---|------------------|-----------------|------------------|
| | đầu năm 2024 | đầu năm 2023 | lệch (VNĐ) |
| | 1 | 2 | 3=2-1 |
| 1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 149.208.904.314 | 183.715.152.641 | (34.506.248.327) |
| 2 Doanh thu hoạt động tài chính | 4.131.055.327 | 10.667.177.285 | (6.536.121.958) |
| 3 Chi phí tài chính | 30.783.546.460 | 26.737.358.570 | 4.046.187.890 |
| 4 Chi phí bán hàng | 112.251.517.706 | 123.544.265.058 | (11.292.747.352) |
| 5 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 40.700.839.535 | 44.531.896.804 | (3.831.057.269) |
| 6 Lợi nhuận khác | 4.291.334.446 | 29.597.328 | 4.261.737.118 |
| 7 Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 184.531.649 | (184.531.649) |
| 8 Lợi nhuận sau thuế TNDN | (26.896.234.638) | 76.251.442 | (26.972.486.080) |

1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 34.506.248.327 đồng nguyên nhân chủ yếu là giá mua hàng bán tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 6.536.121.958 đồng nguyên nhân do thu nhập từ đầu tư tài chính giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính tăng 4.046.187.890 đồng nguyên nhân chủ yếu do tỉ giá đồng USD/VNĐ tăng nên làm lỗ chênh lệch tỉ giá tăng so với cùng kỳ, đồng thời phát sinh thêm khoản lỗ do mất kiểm soát Công ty con là công ty MT Gas.
- Chi phí bán hàng giảm 11.292.747.352 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lương, chi phí nguyên vật liệu giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý tăng 3.831.057.269 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí chi phí công tác, hội nghị tăng so với cùng kỳ.
- Thu nhập khác tăng 4.261.737.118 đồng nguyên nhân chủ yếu là do thu nhập bán thanh lý tài sản tăng so với cùng kỳ.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của 6 tháng đầu năm 2024 giảm 26.972.486.080 đồng so với 6 tháng đầu năm 2023.

2. Điều chỉnh hồi tố BCTC Hợp nhất năm 2023

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và

khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Bảng cân đối kế toán (tóm lược)

| | | Số đã trình bày năm trước VND | Số trình bày lại VND | Điều chỉnh hồi tố VND | Ghi chú |
|---|-------------|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 863.676.900.325 | 804.685.300.552 | (58.991.599.773) | |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 720.054.254.246 | 661.062.654.473 | (58.991.599.773) | |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (61.710.377.386) | (120.701.977.159) | (58.991.599.773) | (i) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 1.969.935.246.158 | 1.910.943.646.385 | (58.991.599.773) | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 1.499.065.589.812 | 1.497.708.283.759 | (1.357.306.053) | |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 1.433.489.339.812 | 1.432.132.033.759 | (1.357.306.053) | |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 1.390.924.168 | 33.618.115 | (1.357.306.053) | (ii) |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 470.869.656.346 | 413.235.362.626 | (57.634.293.720) | |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 470.869.656.346 | 413.235.362.626 | (57.634.293.720) | |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 95.734.358.130 | 38.100.064.410 | (57.634.293.720) | |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | <i>(14.519.266.266)</i> | <i>(72.153.559.986)</i> | <i>(57.634.293.720)</i> | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 1.969.935.246.158 | 1.910.943.646.385 | (58.991.599.773) | |

(i) Công ty điều chỉnh hồi tố khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, chi tiết như sau:

| | 30/6/2024 (Số đã báo cáo) Dự phòng VND | 30/6/2024 (Số trình bày lại) Dự phòng VND | Chênh lệch Dự phòng VND |
|--|---|--|-------------------------------|
| Đầu tư vào Công ty con (tóm lược) | | | |
| Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình | (26.753.409.324) | (85.745.009.097) | (58.991.599.773) |
| Tổng | (61.710.377.386) | (120.701.977.159) | (58.991.599.773) |

(ii) Công ty điều chỉnh hồi tố khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” do xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp từ ảnh hưởng của nghiệp vụ đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con đến thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, chi tiết như sau:

| | 30/6/2024 (Số đã báo cáo) VND | 30/6/2024 (Số trình bày lại) VND | Chênh lệch VND |
|--|-------------------------------------|--|------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.357.306.053 | - | (1.357.306.053) |
| Tổng các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tóm lược) | 1.390.924.168 | 33.618.115 | (1.357.306.053) |

3. Giải trình về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên BCTC Hợp nhất về vấn đề không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu các khoản công nợ phải thu, phải trả:

- Do Tập đoàn có nhiều Công ty con, Công ty liên kết nên việc thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ của các Công ty con, Công ty liên kết trong Tập đoàn trong đó bao gồm: phải thu ngắn hạn trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải thu dài hạn, phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, phải trả dài hạn khác ... là rất khó khăn để thu thập hết do các Công ty con, Công ty liên kết ở khắp các tỉnh thành và có hàng ngàn khách hàng, cũng có nhiều khách hàng giải thể, ngưng hoạt động có công nợ tồn đọng lâu năm nên chưa xác nhận kịp thời hết công nợ với khách hàng được.

4. Giải trình về vấn đề nhấn mạnh của kiểm toán tại BCTC hợp nhất kiểm toán: Về nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 485.911.406.577 VND, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 26.539.667.986 VND và nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty:

- Xuất phát từ việc Công ty mong muốn nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường để phát huy năng lực nội tại và vị thế Công ty trên thị trường nên đã đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết là các đơn vị trong cùng ngành nghề và trong hệ thống khách hàng của Công ty nhằm chiếm lĩnh thị trường, tạo hệ sinh thái của tập đoàn. Cùng với đó là việc đầu tư vỏ bình gas để tăng sản lượng bán hàng và khai thác được tài sản đang sở hữu, do đặc thù của ngành kinh doanh gas cần đầu tư nhiều vỏ bình gas với số lượng và giá trị rất lớn Công ty đã dùng nguồn vốn vay ngắn hạn để đầu tư cho loại tài sản này, tuy nhiên theo thông tư 118/2010/TT-BTC của bộ tài chính đã hướng dẫn phân bổ vỏ bình gas 5-10 năm do vậy tài sản này được hạch toán vào tài sản dài hạn do vậy trên bảng cân đối kế toán trong BCTC đã thể hiện chỉ tiêu nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn.

- Một phần do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế toàn cầu nên Công ty tiếp tục đối diện với vấn đề mất cân đối tài chính trong ngắn hạn do các khoản tài chính đã đầu tư vào công ty con/công ty liên kết và đầu tư vỏ bình gas đang thể hiện dưới dạng tài sản dài hạn và tài sản vô hình. Giải pháp trên đã thể hiện bằng việc tăng trưởng sản lượng so với các năm trước, phát triển và mở rộng hệ sinh thái của Công ty trong bối cảnh thị trường suy giảm và cạnh tranh gay gắt.

- Trong những năm qua, Công ty vẫn duy trì sử dụng đòn bẩy tài chính như hiện nay và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường. Bên cạnh đó, hạn mức tín dụng của Công ty năm 2024 - 2025 đã được gia hạn với các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguồn vốn an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 - 2025.

4. Các biện pháp và lộ trình khắc phục các vấn đề Kiểm toán đã nêu tại Ý kiến kiểm toán ngoại trừ và Vấn đề cần nhấn mạnh như sau:

- **Thứ nhất: Giải pháp và lộ trình khắc phục về quản trị:**

Công ty đang tiến hành hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự quản trị mới đã thay thế các cán bộ quản lý cấp cao và các thành viên HĐQT.

Công ty đang tăng cường rà soát và hoàn thiện tổ chức nhân sự bộ máy kế toán tại các Công ty mẹ và Công ty con, tăng cường kiểm tra kiểm soát đối với các công ty liên kết, công ty con nhằm đảm bảo việc ghi chép số liệu sổ sách, đối chiếu công nợ, kiểm soát công nợ, hạch toán phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

• **Thứ hai: Giải pháp về kinh doanh:**

Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp để cải thiện hiệu quả kinh doanh từ tháng 06/2024, từ đàm phán giảm giá vốn đầu vào, cắt giảm chi phí và tăng sản lượng kinh doanh. Hiện nay, Công ty vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đã có lợi nhuận từ kinh doanh LPG..

• **Thứ ba: Giải pháp về quản trị các khoản đầu tư tài chính:**

Công ty đã triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính ngắn hạn. Công ty đang đánh giá lại hiệu quả các khoản đầu tư tài chính mua bán sát nhập trong những năm qua và thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả. Nguồn tài chính thu về từ thoái vốn sẽ giảm tình trạng mất cân đối vốn ngắn hạn hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty đã gia hạn hạn mức tín dụng hiện nay với các tổ chức tín dụng đến năm 2025, đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty.

Với các giải pháp, phương án kinh doanh của Công ty đã và sẽ thực hiện trong năm 2024, Công ty chúng tôi cam kết đảm bảo việc hoạt động liên tục và có hiệu quả kinh doanh, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã đề ra, khắc phục hoàn toàn tình hình lỗ trong hoạt động kinh doanh.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Sở GDCKTP.HCM
- Lưu VT, NQTCTY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



坂本 晋一朗
SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | 9 - 10 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 11 - 58 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|-------------------------|---|
| Ông Tomohiko Kawamoto | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 03/7/2024) Thành viên (đến ngày 03/7/2024) |
| Ông Takehiko Kawamoto | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024) |
| Ông Trần Minh Loan | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024) |
| Ông Shimbori Toshiyuki | Thành viên độc lập |
| Ông Hosokoji Yu | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024) |
| Ông Yasuyoshi Kasahara | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024) |
| Ông Kobayashi Naoki | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024) |
| Ông Nitta Kazufuku | Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024) |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024) |

ỦY BAN KIỂM TOÁN

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Shimbori Toshiyuki | Chủ tịch |
| Ông Yasuyoshi Kasahara | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|-------------------------|--|
| Ông Kobayashi Naoki | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/5/2024) |
| Ông Trần Minh Loan | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/5/2024) |
| Ông Hosokoji Yu | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/5/2024) |
| Ông Trương Hữu Phước | Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Miễn nhiệm ngày 13/5/2024) |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/5/2024) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Anpha Petrol

坂本晋一郎

Sakamoto Shinichiro

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-ASP ngày 27/6/2024 của Tổng Giám đốc)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Số: 201/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 27/8/2024, từ trang 06 đến trang 58, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu các khoản công nợ phải thu, phải trả và các khoản dự phòng có thể phải trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán tại các Công ty con của Công ty, trong đó bao gồm: Phải thu ngắn hạn khác với giá trị là 22.595.605.589 VND; Phải thu dài hạn khác với giá trị là 15.278.688.693 VND; Phải trả ngắn hạn khác với giá trị là 15.025.407.793 VND; Phải trả ngắn hạn khác với giá trị là 20.493.565.751; Phải trả dài hạn khác với giá trị là 11.562.188.000 VND. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/6/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 485.911.406.577 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 26.896.234.638 VND, trong đó, khoản lỗ phân bổ cho Công ty mẹ là 26.539.667.986 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, việc tái cấu trúc mô hình hoạt động và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề sau đây:

- Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - một Công ty con của Công ty, đã ghi nhận thu nhập khác từ chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình với giá trị là 59.045.852.273 VND theo Hợp đồng số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 22/12/2023. Tuy nhiên, sau đó Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh đã ký kết Hợp đồng mua lại tài sản đã bán số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 27/3/2024. Việc ghi nhận thu nhập khác đối với giao dịch chuyển nhượng nêu trên trong năm 2023 là chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Trong năm 2024, Công ty con đã quyết định điều chỉnh hồi tố sai sót từ nghiệp vụ nêu trên. Do vậy, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.
- Chúng tôi chưa nhận được Biên đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ của các Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2023, đồng thời, các thủ tục thay thế khác đã được chúng tôi thực hiện nhưng cũng không giúp chúng tôi thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Trong kỳ này, vấn đề này chưa được xử lý và đã được chúng tôi trình bày trong đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”.
- Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các căn cứ mà Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha - một Công ty con của Công ty, đã sử dụng để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên số dư nợ phải thu khách hàng với giá gốc là 49.271.889.737 VND, số đã trích lập là 49.271.889.737 VND. Trong kỳ, chúng tôi đã nhận được đầy đủ tài liệu về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu nhằm mục đích trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2023. Do vậy, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

| TÀI SẢN | MS | TM | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Trình bày lại) VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 906.150.437.364 | 1.218.787.408.937 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 149.899.087.514 | 215.989.245.836 |
| 1. Tiền | 111 | | 149.899.087.514 | 215.989.245.836 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 70.200.000.000 | 71.400.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 70.200.000.000 | 71.400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 575.270.073.953 | 799.633.725.786 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 563.400.660.747 | 745.623.906.042 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 41.857.554.388 | 43.743.078.758 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 9.925.000.000 | 10.875.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6 | 37.620.054.371 | 80.789.598.644 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.7 | (77.542.156.341) | (81.406.748.296) |
| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 8.960.788 | 8.890.638 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 74.837.251.653 | 100.305.631.204 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 74.837.251.653 | 100.305.631.204 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 35.944.024.244 | 31.458.806.111 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9 | 12.055.316.633 | 7.116.771.351 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 19.047.145.468 | 23.930.707.547 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.10 | 4.841.562.143 | 411.327.213 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260) | 200 | | 814.509.134.439 | 993.658.991.252 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 48.574.603.218 | 144.890.766.348 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 5.5 | 15.187.320.000 | 13.737.320.000 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.6 | 33.387.283.218 | 131.153.446.348 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 121.069.266.580 | 174.060.025.958 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.11 | 33.448.584.242 | 90.301.207.090 |
| - Nguyên giá | 222 | | 192.701.463.162 | 272.854.342.370 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (159.252.878.920) | (182.553.135.280) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.12 | 87.620.682.338 | 83.758.818.868 |
| - Nguyên giá | 228 | | 108.165.491.549 | 100.674.511.926 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (20.544.809.211) | (16.915.693.058) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 3.015.150.000 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.13 | - | 3.015.150.000 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 128.905.136.898 | 83.330.523.753 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 126.991.136.898 | 81.416.523.753 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 18.254.000.000 | 18.254.000.000 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (16.340.000.000) | (16.340.000.000) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 515.960.127.743 | 588.362.525.193 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 510.962.730.762 | 576.182.776.531 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 5.14 | 2.800.494.834 | 2.913.715.613 |
| 3. Lợi thế thương mại | 269 | 5.15 | 2.196.902.147 | 9.266.033.049 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 1.720.659.571.803 | 2.212.446.400.189 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 30/6/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | (Trình bày lại) VND |
| C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 1.449.280.089.321 | 1.891.889.442.914 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.392.061.843.941 | 1.646.216.619.310 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.16 | 698.110.287.014 | 891.382.434.199 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 7.747.056.853 | 3.081.595.413 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.10 | 3.418.341.145 | 12.490.908.150 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 7.664.535.780 | 8.938.846.232 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.17 | 1.485.307.333 | 1.886.779.433 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.18 | 90.000.000 | - |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.19 | 44.005.630.067 | 37.457.997.812 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.20 | 628.978.551.947 | 690.415.924.269 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 562.133.802 | 562.133.802 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 57.218.245.380 | 245.672.823.604 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.18 | 10.658.453.030 | 11.278.453.028 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.19 | 15.886.874.717 | 130.356.115.157 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.20 | 9.568.912.214 | 82.934.250.000 |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 5.14 | 21.104.005.419 | 21.104.005.419 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 271.379.482.482 | 320.556.957.275 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.21 | 271.379.482.482 | 320.556.957.275 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 373.399.290.000 | 373.399.290.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 373.399.290.000 | 373.399.290.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.433.420.000 | 1.433.420.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (3.639.900) | (3.639.900) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 306.228.116 | 306.228.116 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (111.171.873.847) | (84.767.270.589) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (84.632.205.861) | 68.514.552.099 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (26.539.667.986) | (153.281.822.688) |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 7.416.058.113 | 30.188.929.648 |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 1.720.659.571.803 | 2.212.446.400.189 |

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



坂本晋一朗

Sakamoto Shinichiro



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|--|----|------|-------------------|-------------------|
| | | | kết thúc | kết thúc |
| | | | ngày 30/6/2024 | ngày 30/6/2023 |
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 1.733.524.608.510 | 1.752.449.057.113 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.1 | 8.166.988.017 | 49.167.969.504 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 6.1 | 1.725.357.620.493 | 1.703.281.087.609 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 1.576.148.716.179 | 1.519.565.934.968 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 149.208.904.314 | 183.715.152.641 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 4.131.055.327 | 10.667.177.285 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 30.783.546.460 | 26.737.358.570 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 12.681.737.965 | 23.841.553.911 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | (678.404.245) | 778.689.557 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 112.251.517.706 | 123.544.265.058 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 40.700.839.535 | 44.531.896.804 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)} | 30 | | (31.074.348.305) | 347.499.051 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 4.713.737.710 | 2.711.044.781 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 6.7 | 422.403.264 | 2.681.447.453 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | 6.7 | 4.291.334.446 | 29.597.328 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | (26.783.013.859) | 377.096.379 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.8 | - | 184.531.649 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.9 | 113.220.779 | 116.313.288 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | (26.896.234.638) | 76.251.442 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | (26.539.667.986) | 2.450.677.404 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (356.566.652) | (2.374.425.962) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.10 | (711) | 66 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

| CHỈ TIÊU | MS TM | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|--|-------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| | | kết thúc ngày 30/6/2024 VND | kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (26.783.013.859) | 377.096.379 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | 13.797.830.845 | 11.877.952.753 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 3.838.674.866 | 501.500.000 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 1.053.652.919 | (5.557.698.335) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 12.681.737.965 | 23.841.553.911 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 4.588.882.736 | 31.040.404.708 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 110.358.540.256 | 19.599.086.531 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 20.788.504.985 | (29.999.663.985) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (98.595.059.943) | (21.136.586.042) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 38.922.486.637 | 28.883.313.320 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (12.738.995.889) | (24.500.588.905) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (4.455.669.997) | (12.802.337.821) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 58.868.688.785 | (8.916.372.194) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (5.286.878.000) | (1.646.522.727) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 540.771.043 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (71.650.000.000) | (130.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 71.150.000.000 | 91.364.277.028 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (5.543.523.669) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 4.910.293.283 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.203.875.210 | 5.066.366.430 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (3.675.462.133) | (35.215.879.269) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

| CHỈ TIÊU | MS TM | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|--|---------------|--------------------------|------------------------|
| | | ngày 30/6/2024 | ngày 30/6/2023 |
| | | VND | VND |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 1.254.219.619.950 | 968.520.042.680 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1.375.923.490.058) | (931.662.999.318) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | <i>(121.703.870.108)</i> | <i>36.857.043.362</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | (66.510.643.456) | (7.275.208.101) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 5.1 | 215.989.245.836 | 122.733.445.778 |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | <i>61</i> | <i>420.485.134</i> | <i>-</i> |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 5.1 | 149.899.087.514 | 115.458.237.677 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2024 là 706 người (tại ngày 31/12/2023 là 1.520 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|--|---|--|-----------------------------------|------------------------|---------------|---------------|
| Các Công ty con trực tiếp | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha | Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 98,57% | 98,57% | 98,57% |
| 2 | Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình | Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 100,00% | 100,00% | 100,00% |
| 3 | Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (t) | Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 80,00% | 80,00% | 80,00% |
| 4 | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo | 79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 97,99% | 97,99% | 97,99% |
| 5 | Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang | Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp) | | | | | | |
| 6 | Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh | Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 99,99% | 99,99% | 99,99% |
| 7 | Công ty TNHH MTV Minh Gia | Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 100,00% | 100,00% | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|-----------------------------|---|--|-----------------------------------|------------------------|---------------|---------------|
| Các Công ty liên kết | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | 826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh | Sản xuất bình Gas | 35,00% | 35,00% | 35,00% |
| 2 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 49,00% | 49,00% | 49,00% |
| 3 | Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Số 26, ngõ 29, phố Vinh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 49,00% | 49,00% | 49,00% |
| 4 | Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 49,00% | 49,00% | 49,00% |
| 5 | Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 49,00% | 49,00% | 49,00% |
| 6 | Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh | Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 35,00% | 35,00% | 35,00% |
| 7 | Công ty Cổ phần LPG Biên Đông | số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 20,00% | 20,00% | 20,00% |
| 8 | Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 33,00% | 33,00% | 33,00% |
| 9 | Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | 168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 40,54% | 40,54% | 40,54% |
| 10 | Công ty Cổ phần MT Gas | Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An | Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | 40,73% | 40,73% | 40,73% |

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (“Công ty Đức Hải”), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 485.911.406.577 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 26.896.234.638 VND, trong đó, khoản lỗ phân bổ cho Công ty mẹ là 26.539.667.986 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, việc tái cấu trúc mô hình hoạt động và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cấu trúc mô hình quản lý của Công ty, trong đó giải thể và tổ chức lại các phòng ban nhằm hướng đến việc quản trị Công ty tốt hơn;
- Tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó bao gồm tinh giảm nhân sự tại tất cả Ban chuyên môn của Công ty, chủ động trả các mặt bằng đang thuê mà không sử dụng hết công năng;
- Công ty tiếp tục duy trì được các khoản tín dụng với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

D.N
C
T
KIẾ
:PA
Ớ F

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

b. Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

d. Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

e. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

| Nhóm tài sản | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|--|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 10 - 30 |
| Máy móc, thiết bị | 08 |
| Thiết bị văn phòng | 03 |
| Phương tiện vận tải | 07 - 08 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn thuê đất đến ngày 09/02/2051), quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061). Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

a. Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

a. Chi phí bảo lãnh mua LPG

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

b. Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

c. Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

d. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

e. Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

f. Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí chiết khấu: Trích trước dựa trên doanh thu bán ra, và tỷ lệ tính chiết khấu căn cứ theo Hợp đồng với các khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuế tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

a. Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

b. Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vỏ bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

c. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

d. Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 3.346.982.621 | 4.011.133.065 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 124.072.720.743 | 210.513.528.569 |
| Tiền đang chuyển (i) | 22.479.384.150 | 1.464.584.202 |
| Tổng | 149.899.087.514 | 215.989.245.836 |

(i) Khoản tiền Công ty đã nộp vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có của Ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 30/6/2024 (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 70.200.000.000 | 70.200.000.000 | 71.400.000.000 | 71.400.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 70.200.000.000 | 70.200.000.000 | 71.400.000.000 | 71.400.000.000 |
| Tổng | 70.200.000.000 | 70.200.000.000 | 71.400.000.000 | 71.400.000.000 |

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng từ 3,3%/năm đến 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

| b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 30/6/2024 (VND) | | | 01/01/2024 (VND) | | |
|---|-----------------|------------------------|----------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | Tỷ lệ | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá trị đánh giá vốn chủ sở hữu | Giá trị đánh giá vốn chủ sở hữu | Giá trị theo phương pháp hợp lý |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | | 147.639.930.405 | | 126.991.136.898 | | 81.416.523.753 |
| Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina | 35,00% | 10.725.395.625 | (i) | 14.853.919.545 | (i) | 14.971.135.772 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 49,00% | 1.470.000.000 | (i) | - | (i) | - |
| Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát | 49,00% | 2.385.320.000 | (i) | - | (i) | - |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | 49,00% | 7.513.340.000 | (i) | - | (i) | - |
| Công ty TNHH LPG Tiên Phát | 49,00% | 2.940.000.000 | (i) | - | (i) | 1.621.755.833 |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh | 35,00% | 13.650.000.000 | (i) | 8.937.176.539 | (i) | 9.749.195.249 |
| Công ty Cổ phần LPG Biên Đông | 20,00% | 34.000.000.000 | (i) | 16.292.029.316 | (i) | 17.185.293.283 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | 33,00% | 20.000.000.000 | (i) | 17.422.596.961 | (i) | 18.632.643.616 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung | 40,54% | 19.256.500.000 | (i) | 19.305.524.041 | (i) | 19.256.500.000 |
| Công ty Cổ phần MT Gas (ii) | 40,73% | 35.699.374.780 | | 41.712.181.000 | | - |
| Tổng | | 147.639.930.405 | | 126.991.136.898 | | 81.416.523.753 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

| | 30/6/2024 (VND) | | 01/01/2024 (VND) | | | | |
|---|-----------------|---|-----------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------------|
| | Tỷ lệ | Quyền vốn giữ năm giữ biểu quyết | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | | 18.254.000.000 | (16.340.000.000) | 18.254.000.000 | - | (16.340.000.000) |
| Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông | | | 9.600.000.000 | (i) (9.600.000.000) | 9.600.000.000 | (i) | (9.600.000.000) |
| Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng | | | 6.740.000.000 | (i) (6.740.000.000) | 6.740.000.000 | (i) | (6.740.000.000) |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung | 5,80% | 5,80% | 1.914.000.000 | (i) - | 1.914.000.000 | (i) | - |
| Tổng | | | 18.254.000.000 | - (16.340.000.000) | 18.254.000.000 | - | (16.340.000.000) |

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 28/6/2024. Cụ thể, tại ngày 28/6/2024, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 9.800 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu. Đồng thời, tại ngày 28/6/2024, Công ty Cổ phần MT Gas không còn là Công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty là 40,73% sau khi Công ty Cổ phần MT Gas thực hiện tăng vốn thông qua đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Các giao dịch với các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.3 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 (Trình bày lại) VND |
|--|------------------------|--------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú | 33.674.547.392 | 59.956.721.818 |
| Công ty TNHH Dầu khí Phát Tiến | - | 9.083.977.272 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | 29.326.644.264 | 28.892.655.888 |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh | 11.071.496.148 | 12.346.196.223 |
| Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang | (i) | 12.788.181.808 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 7.011.393.452 | 7.338.179.159 |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung | 5.746.273.352 | 9.101.555.929 |
| Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội | 10.891.375.669 | 26.488.590.564 |
| Công ty TNHH Hải Linh | 10.948.516.600 | 8.188.096.600 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | 51.978.740.297 | 60.106.468.187 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn | 61.913.204.541 | 44.663.787.190 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam | 2.209.158.474 | 38.270.228.768 |
| Công ty Cổ phần MT Gas | 153.136.134.575 | (ii) |
| Các đối tượng khác | 185.493.175.983 | 428.399.266.636 |
| Tổng | 563.400.660.747 | 745.623.906.042 |

Trong đó,

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3) **294.962.112.349** **278.687.690.835**

- (i) Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang là Công ty con của Công ty trong năm 2024.
- (ii) Công ty Cổ phần MT Gas trở thành Công ty liên kết của Công ty trong năm 2024, do vậy, Công ty không có thông tin so sánh để trình bày tại ngày 01/01/2024.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương | 5.779.640.718 | 5.779.640.718 |
| Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina | 24.995.000.000 | 24.995.000.000 |
| Liên danh GLC - Tân Đại Phát | 6.230.869.400 | - |
| Các đối tượng khác | 4.852.044.270 | 12.968.438.040 |
| Tổng | 41.857.554.388 | 43.743.078.758 |

Trong đó,

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3) **24.995.000.000** **24.995.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu về cho vay

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 9.925.000.000 | 10.875.000.000 |
| Ông Nguyễn Thế Giáp (i) | 2.600.000.000 | 2.600.000.000 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát (ii) | 3.325.000.000 | 4.275.000.000 |
| Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (v) | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| b) Dài hạn | 15.187.320.000 | 13.737.320.000 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iii) | 5.520.000.000 | 5.520.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (iv) | 8.217.320.000 | 8.217.320.000 |
| Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas (vi) | 1.450.000.000 | - |
| Tổng | 25.112.320.000 | 24.612.320.000 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3) | 18.512.320.000 | 18.012.320.000 |

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Phải thu khác

| | 30/6/2024 (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|---|-----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 37.620.054.371 | (732.252.860) | 80.789.598.644 | (1.402.434.632) |
| Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.586.589.670 | - | 831.761.143 | - |
| Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần | - | - | 3.725.000.000 | - |
| Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa | 22.320.952 | - | 330.740.648 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 5.218.430.527 | - | 8.885.963.562 | - |
| Ký cược ký quỹ ngắn hạn | 20.056.939.000 | - | 58.342.737.955 | - |
| Phải thu ông Lại Văn Tú (i) | 400.000.000 | - | 400.000.000 | - |
| Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii) | 4.545.535.293 | - | 3.618.721.101 | - |
| Các khoản khác | 5.790.238.929 | (732.252.860) | 4.654.674.235 | (1.402.434.632) |
| b) Dài hạn | 33.387.283.218 | - | 131.153.446.348 | - |
| Ký cược ký quỹ dài hạn | 26.702.283.217 | - | 119.188.446.347 | - |
| Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iii) | 685.000.001 | - | 1.185.000.001 | - |
| Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa | - | - | 4.780.000.000 | - |
| Ông Ngô Mạnh Hùng (iv) | 6.000.000.000 | - | 6.000.000.000 | - |
| Tổng | 71.007.337.589 | (732.252.860) | 211.943.044.992 | (1.402.434.632) |
| <i>Trong đó,</i> | | | | |
| Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3) | 1.431.004.555 | - | 4.018.721.101 | - |

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(iv) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7 Nợ xấu

| | 30/6/2024 (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|-------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu khách hàng | 71.079.159.930 | 48.897.167 | 74.224.672.946 | - |
| Phải thu khác | 732.252.860 | - | 1.402.434.632 | - |
| Trả trước cho người bán | 5.779.640.718 | - | 5.779.640.718 | - |
| Tổng | 77.591.053.508 | 48.897.167 | 81.406.748.296 | - |

Chi tiết thời gian quá hạn theo từng đối tượng nợ như sau:

| | Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | Quá hạn từ 03 năm trở lên |
|--|-------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định | - | - | - | 22.632.978.051 |
| Số phải thu khách hàng 1311 Gia Định | - | - | - | 12.034.838.292 |
| Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương | - | - | - | 3.825.350.204 |
| Công ty TNHH SEIYO Glassdecorations Việt Nam | - | - | - | 3.388.338.906 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương | - | - | - | 5.779.640.718 |
| Các đối tượng khác | 193.011.654 | - | - | 29.736.895.683 |
| Tổng | 193.011.654 | - | - | 77.398.041.854 |

5.8 Hàng tồn kho

| | 30/6/2024 (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng đang đi trên đường | 946.212.389 | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.446.483.393 | - | 2.434.346.701 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.008.098.264 | - | 5.963.423.825 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | - | 989.676.111 | - |
| Hàng hóa | 71.436.457.607 | - | 90.918.184.567 | - |
| Tổng | 74.837.251.653 | - | 100.305.631.204 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Chi phí trả trước

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| a) Ngắn hạn | 12.055.316.633 | 7.116.771.351 |
| Chi phí bảo lãnh mua LPG | 909.486.312 | 662.608.447 |
| Chi phí sửa chữa | 383.098.606 | - |
| Chi phí thuê mặt bằng | 4.319.464.275 | 1.993.064.423 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 650.107.737 | 693.341.875 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 5.793.159.703 | 3.767.756.606 |
| b) Dài hạn | 510.962.730.762 | 576.182.776.531 |
| Chi phí mua vỏ chai LPG (i) | 204.183.887.512 | 239.598.997.573 |
| Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG | 61.595.878.601 | 53.288.537.650 |
| Chi phí thuê kho bãi | 5.228.400.000 | 7.125.600.000 |
| Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii) | 239.086.868.787 | 257.164.429.821 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 867.695.862 | 19.005.211.487 |
| Tổng | 523.018.047.395 | 583.299.547.882 |

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | 01/01/2024 (Trình bày lại) | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | 30/06/2024 |
|--|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| Phải nộp | 12.490.908.150 | 62.339.318.930 | 71.411.885.935 | 3.418.341.145 |
| Thuế giá trị gia tăng | 11.670.674.442 | 50.619.558.170 | 60.322.234.561 | 1.967.998.051 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 10.789.850.891 | 10.268.373.929 | 521.476.962 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (i) | 515.613.595 | (488.317.776) | 1.160.295 | 26.135.524 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 304.620.113 | 1.106.491.849 | 508.381.354 | 902.730.608 |
| Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác | - | 89.735.796 | 89.735.796 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 222.000.000 | 222.000.000 | - |
| Phải thu | 411.327.213 | 25.785.974 | 4.456.020.904 | 4.841.562.143 |
| Thuế giá trị gia tăng nộp thừa | 37.554.832 | 287.531 | 1.511.202 | 38.778.503 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 335.233.584 | - | 4.454.509.702 | 4.789.743.286 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa | 30.538.797 | 17.498.443 | - | 13.040.354 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa | 8.000.000 | 8.000.000 | - | - |

- (i) Trong đó, số dư thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm tại thời điểm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas được chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết trong kỳ là 488.317.776 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Tổng |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2024 | 84.532.101.708 | 98.798.899.321 | 80.339.363.827 | 7.109.011.278 | 2.074.966.236 | 272.854.342.370 |
| Tăng trong kỳ | 260.443.636 | 174.500.000 | - | 65.000.000 | - | 499.943.636 |
| Mua trong kỳ | - | 174.500.000 | - | 65.000.000 | - | 239.500.000 |
| Phân loại lại | 260.443.636 | - | - | - | - | 260.443.636 |
| Giảm trong kỳ | (54.941.685.295) | (17.558.798.291) | (5.362.911.167) | (752.591.855) | (2.036.836.236) | (80.652.822.844) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (456.230.952) | (1.668.790.190) | - | - | (2.125.021.142) |
| Phân loại lại | - | (260.443.636) | - | - | - | (260.443.636) |
| Giảm do mất kiểm soát Công ty con | (54.941.685.295) | (16.842.123.703) | (3.694.120.977) | (752.591.855) | (2.036.836.236) | (78.267.358.066) |
| Số dư tại ngày 30/6/2024 | 29.850.860.049 | 81.414.601.030 | 74.976.452.660 | 6.421.419.423 | 38.130.000 | 192.701.463.162 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2024 | 40.762.155.616 | 70.622.859.338 | 63.615.419.500 | 5.477.734.590 | 2.074.966.236 | 182.553.135.280 |
| Tăng trong kỳ | 1.617.769.334 | 2.358.045.362 | 2.291.323.604 | 486.255.610 | - | 6.753.393.910 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.437.509.075 | 2.358.045.362 | 2.291.323.604 | 486.255.610 | - | 6.573.133.651 |
| Phân loại lại | 180.260.259 | - | - | - | - | 180.260.259 |
| Giảm trong kỳ | (8.341.210.602) | (14.610.632.408) | (4.312.379.169) | (752.591.855) | (2.036.836.236) | (30.053.650.270) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (456.230.952) | (1.023.200.902) | - | - | (1.479.431.854) |
| Giảm do mất kiểm soát Công ty con | (8.341.210.602) | (13.974.141.197) | (3.289.178.267) | (752.591.855) | (2.036.836.236) | (28.393.958.157) |
| Phân loại lại | - | (180.260.259) | - | - | - | (180.260.259) |
| Số dư tại ngày 30/6/2024 | 34.038.714.348 | 58.370.272.292 | 61.594.363.935 | 5.211.398.345 | 38.130.000 | 159.252.878.920 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 43.769.946.092 | 28.176.039.983 | 16.723.944.327 | 1.631.276.688 | - | 90.301.207.090 |
| Tại ngày 30/6/2024 | (4.187.854.299) | 23.044.328.738 | 13.382.088.725 | 1.210.021.078 | - | 33.448.584.242 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 85.728.413.163 VND (tại ngày 01/01/2024: 77.875.572.081 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2024 là 0 VND (tại ngày 01/01/2024: 8.618.319.595 VND).

5.12 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2024 | 77.003.448.071 | 23.671.063.855 | 100.674.511.926 |
| Tăng trong kỳ | - | 8.062.528.000 | 8.062.528.000 |
| Mua trong kỳ | - | 5.047.378.000 | 5.047.378.000 |
| Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | 3.015.150.000 | 3.015.150.000 |
| Giảm trong kỳ | - | (571.548.377) | (571.548.377) |
| Giảm do mất kiểm soát Công ty con | - | (571.548.377) | (571.548.377) |
| Số dư tại ngày 30/6/2024 | 77.003.448.071 | 31.162.043.478 | 108.165.491.549 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2024 | 9.511.748.185 | 7.403.944.873 | 16.915.693.058 |
| Tăng trong kỳ | 1.055.869.476 | 2.952.682.254 | 4.008.551.730 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.055.869.476 | 2.952.682.254 | 4.008.551.730 |
| Giảm trong kỳ | - | (379.435.577) | (379.435.577) |
| Giảm do mất kiểm soát Công ty con | - | (379.435.577) | (379.435.577) |
| Số dư tại ngày 30/6/2024 | 10.567.617.661 | 9.977.191.550 | 20.544.809.211 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 67.491.699.886 | 16.267.118.982 | 83.758.818.868 |
| Tại ngày 30/6/2024 | 66.435.830.410 | 21.184.851.928 | 87.620.682.338 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 688.343.000 VND (tại ngày 01/01/2024: 526.556.977 VND).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|---------------------------------------|-------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản | - | 3.015.150.000 |
| Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai | - | 3.015.150.000 |
| Ứng dụng di động | - | - |
| Tổng | - | 3.015.150.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 (Trình bày lại) VND |
|---|-----------------------|--------------------------------------|
| a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 2.800.494.834 | 2.913.715.613 |
| Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 2.800.494.834 | 2.913.715.613 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| <i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i> | <i>20%</i> | <i>20%</i> |
| b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 21.104.005.419 | 21.104.005.419 |
| Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 21.104.005.419 | 21.104.005.419 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| <i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i> | <i>20%</i> | <i>20%</i> |

5.15 Lợi thế thương mại**a. Chi tiết lợi thế thương mại**

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh | 3.434.247.584 | 5.032.814.488 |
| Các công ty con khác | (1.237.345.437) | 4.233.218.561 |
| Tổng | 2.196.902.147 | 9.266.033.049 |

b. Biến động của lợi thế thương mại trong kỳ

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---|---|---|
| Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu kỳ | 116.309.727.506 | 115.929.494.383 |
| Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu kỳ | (107.043.694.457) | (89.989.886.494) |
| Số phân bổ vào chi phí trong kỳ | (3.216.145.464) | (1.789.857.371) |
| Giảm do mất kiểm soát Công ty con | (3.852.985.438) | - |
| Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối kỳ | 2.196.902.147 | 24.149.750.518 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/6/2024 (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí | 529.244.795.400 | 529.244.795.400 | 551.860.696.796 | 551.860.696.796 |
| Phải trả người bán khác | 168.865.491.614 | 168.865.491.614 | 339.521.737.403 | 339.521.737.403 |
| Tổng | 698.110.287.014 | 698.110.287.014 | 891.382.434.199 | 891.382.434.199 |

Trong đó,

Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

| | | | |
|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 3.739.938.994 | 3.739.938.994 | 3.101.992.899 | 3.101.992.899 |
|---------------|---------------|---------------|---------------|

5.17 Chi phí phải trả

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí lãi vay | 1.400.537.900 | 1.457.795.824 |
| Trích trước chi phí khác | 84.769.433 | 428.983.609 |
| Tổng | 1.485.307.333 | 1.886.779.433 |

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 90.000.000 | - |
| Doanh thu cho thuê tài sản nhận được | 90.000.000 | - |
| b) Dài hạn | 10.658.453.030 | 11.278.453.028 |
| Lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch bán tài sản dài hạn cho công ty liên kết | 10.658.453.030 | 11.278.453.028 |
| Tổng | 10.748.453.030 | 11.278.453.028 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Các khoản phải trả khác

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 44.005.630.067 | 37.457.997.812 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 17.912.173 | - |
| Kinh phí công đoàn | 268.699.056 | 483.452.432 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 884.388.336 | 366.314.573 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 33.597.784.175 | 22.035.596.175 |
| Cổ tức phải trả | 885.420.764 | 885.420.764 |
| Chiết khấu phải trả | 12.258.456 | 3.886.018.713 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 8.339.167.107 | 9.801.195.155 |
| b) Dài hạn | 15.886.874.717 | 130.356.115.157 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 14.192.452.735 | 130.356.115.157 |
| Phải trả dài hạn khác | 1.694.421.982 | - |
| Tổng | 59.892.504.784 | 167.814.112.969 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| <i>Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i> | <i>48.716.387.760</i> | <i>11.828.516.284</i> |

197
 TY
 H
 AN
 NAI
 A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

| | 30/6/2024 (VND) | | Trong kỳ (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|--|-----------------|-----------------------|-------------------|-------------------|------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Các khoản vay ngắn hạn | 628.978.551.947 | 628.978.551.947 | 1.295.466.117.736 | 1.356.903.490.058 | 690.415.924.269 | 690.415.924.269 |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | 555.932.719.161 | 555.932.719.161 | 1.254.219.619.950 | 1.317.216.425.058 | 618.929.524.269 | 618.929.524.269 |
| Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội | - | - | - | 20.450.044.878 | 20.450.044.878 | 20.450.044.878 |
| Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i) | 70.470.905.821 | 70.470.905.821 | 508.693.275.869 | 638.839.689.941 | 200.617.319.893 | 200.617.319.893 |
| Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii) | 264.783.136.149 | 264.783.136.149 | 505.269.301.504 | 502.701.855.495 | 262.215.690.140 | 262.215.690.140 |
| Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii) | 177.340.964.086 | 177.340.964.086 | 196.919.329.472 | 155.224.834.744 | 135.646.469.358 | 135.646.469.358 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An (iv) | 43.337.713.105 | 43.337.713.105 | 43.337.713.105 | - | - | - |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | 73.045.832.786 | 73.045.832.786 | 41.246.497.786 | 39.687.065.000 | 71.486.400.000 | 71.486.400.000 |
| Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v) | 9.857.200.000 | 9.857.200.000 | 5.094.600.000 | 4.987.400.000 | 9.750.000.000 | 9.750.000.000 |
| Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi) | 63.106.407.786 | 63.106.407.786 | 36.151.897.786 | 28.132.990.000 | 55.087.500.000 | 55.087.500.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên | - | - | - | 6.320.000.000 | 6.320.000.000 | 6.320.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên | 82.225.000 | 82.225.000 | - | 246.675.000 | 328.900.000 | 328.900.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

| | 30/6/2024 (VND) | | Trong kỳ (VND) | | 01/01/2024 (VND) | |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Các khoản vay ngắn hạn (trung trước chuyển sang) | 628.978.551.947 | 628.978.551.947 | 1.295.466.117.736 | 1.356.903.490.058 | 690.415.924.269 | 690.415.924.269 |
| b) Các khoản vay dài hạn | 9.568.912.214 | 9.568.912.214 | 4.259.160.000 | 77.624.497.786 | 82.934.250.000 | 82.934.250.000 |
| Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v) | 332.000.000 | 332.000.000 | 551.600.000 | 5.094.600.000 | 4.875.000.000 | 4.875.000.000 |
| Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi) | 9.236.912.214 | 9.236.912.214 | 3.707.560.000 | 36.151.897.786 | 41.681.250.000 | 41.681.250.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên | - | - | - | 19.020.000.000 | 19.020.000.000 | 19.020.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn | - | - | - | 17.358.000.000 | 17.358.000.000 | 17.358.000.000 |
| Tổng | 638.547.464.161 | 638.547.464.161 | 1.299.725.277.736 | 1.434.527.987.844 | 773.350.174.269 | 773.350.174.269 |

(i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:

Hạn mức tín dụng : Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.

Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu : Ngày 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.

Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và Thông báo gia hạn ngày 15/3/2023 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác

Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng

Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/3/2024, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.

Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay

Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT484-APH ngày 06/05/2024 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An:

Hạn mức cấp tín dụng : 100.000.000.000 VND
Thời hạn cấp tín dụng : 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Lãi suất vay : Theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay được bảo đảm bằng thư tín dụng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha cho Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha (Công ty con)

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vi) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vii) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTD ngày 27/12/2022:

Số tiền cho vay : 145.000.000.000 VND
Thời hạn vay : 05 năm
Mục đích vay : Đầu tư dự án vỏ bình gas
Thời hạn rút vốn : Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực
Lãi suất vay : Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn
Lịch trả nợ gốc : Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm
Biện pháp bảo đảm : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HĐTG ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐBĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng |
|---|------------------------|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2023 | 373.399.290.000 | 1.433.420.000 | (3.639.900) | 306.228.116 | 85.676.643.611 | 29.570.988.864 | 490.382.930.691 |
| Lỗ trong năm trước (đã điều chỉnh hồi tố) | - | - | - | - | (153.281.822.688) | (769.174.593) | (154.050.997.281) |
| Hợp nhất kinh doanh | - | - | - | - | - | 1.390.991.708 | 1.390.991.708 |
| Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết | - | - | - | - | (11.049.729.314) | - | (11.049.729.314) |
| Biến động khác do hợp nhất | - | - | - | - | (6.112.362.198) | (3.876.331) | (6.116.238.529) |
| Số dư tại ngày 31/12/2023 (Trình bày lại) | 373.399.290.000 | 1.433.420.000 | (3.639.900) | 306.228.116 | (84.767.270.589) | 30.188.929.648 | 320.556.957.275 |
| Số dư tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại) | 373.399.290.000 | 1.433.420.000 | (3.639.900) | 306.228.116 | (84.767.270.589) | 30.188.929.648 | 320.556.957.275 |
| Lỗ trong kỳ này | - | - | - | - | (26.539.667.986) | (356.566.652) | (26.896.234.638) |
| Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết | - | - | - | - | 129.947.754 | - | 129.947.754 |
| Mất kiểm soát Công ty con (i) | - | - | - | - | - | (22.416.304.883) | (22.416.304.883) |
| Biến động khác | - | - | - | - | 5.116.974 | - | 5.116.974 |
| Số dư tại ngày 30/6/2024 | 373.399.290.000 | 1.433.420.000 | (3.639.900) | 306.228.116 | (111.171.873.847) | 7.416.058.113 | 271.379.482.482 |

(i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần MT Gas, một Công ty con của Công ty trong năm 2023, đã hủy động thêm vốn từ các cổ đông khác và tăng vốn điều lệ từ 63.000.000.000 VND lên 104.500.000.000 VND. Việc này làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần MT Gas từ 67,56% thành 40,73%, theo đó, Công ty Cổ phần MT Gas không còn là Công ty con của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi giảm toàn bộ lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần MT Gas tại ngày mất kiểm soát Công ty con, đồng thời, ghi nhận khoản lỗ từ việc mất kiểm soát Công ty con (chi tiết tại Thuyết minh số 6.4). Tại ngày 30/6/2024, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

| | Tại ngày 30/6/2024 | | | Tại ngày 01/01/2024 | | |
|--------------------|--------------------|----------------|-------------------------------------|---------------------|----------------|-------------------------------------|
| | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND) | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND) |
| Saisan Co., Ltd. | 17.998.426 | 48,20% | 179.984.260.000 | 17.998.426 | 48,20% | 179.984.260.000 |
| Ông Trần Minh Loan | 2.188.100 | 5,86% | 21.881.000.000 | 2.188.100 | 5,86% | 21.881.000.000 |
| Các cổ đông khác | 17.153.403 | 45,94% | 171.534.030.000 | 17.153.403 | 45,94% | 171.534.030.000 |
| Tổng | 37.339.929 | 100,00% | 373.399.290.000 | 37.339.929 | 100,00% | 373.399.290.000 |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|----------------------------------|---|---|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu kỳ | 373.399.290.000 | 373.399.290.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp tại cuối kỳ | 373.399.290.000 | 373.399.290.000 |
| Cổ tức đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 30/06/2024 Cổ phiếu | 01/01/2024 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 37.339.929 | 37.339.929 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 37.339.929 | 37.339.929 |
| Cổ phiếu phổ thông | 37.339.929 | 37.339.929 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 387 | 387 |
| Cổ phiếu phổ thông | 387 | 387 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 37.339.542 | 37.339.542 |
| Cổ phiếu phổ thông | 37.339.542 | 37.339.542 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 306.228.116 | 306.228.116 |
| Tổng | 306.228.116 | 306.228.116 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

| | Số nợ đã xóa | | Thời điểm xóa nợ |
|---|----------------------|----------------------|---------------------|
| | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 | Năm 2021 |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Đất Việt | 848.863.238 | 848.863.238 | Năm 2023 |
| Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin | 1.199.617.606 | 1.199.617.606 | Năm 2023 |
| Công ty Cổ phần Petrolimex | 13.238.290 | 13.238.290 | Năm 2023 |
| Tổng | 3.361.719.134 | 3.361.719.134 | |

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Doanh thu bán LPG | 1.703.843.196.689 | 1.729.247.038.632 |
| Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas | 4.960.488.840 | 15.036.513.148 |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác | 24.720.922.981 | 8.165.505.333 |
| Tổng | 1.733.524.608.510 | 1.752.449.057.113 |

Trong đó,

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i> | <i>527.370.648.916</i> | <i>373.378.487.272</i> |
|--|------------------------|------------------------|

Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|-----------------------|---|---|
| Chiết khấu thương mại | 3.918.344.990 | 49.167.969.504 |
| Giảm giá hàng bán | 957.990.074 | - |
| Hàng bán bị trả lại | 3.290.652.953 | - |
| Tổng | 8.166.988.017 | 49.167.969.504 |

Trong đó,

| | | |
|---|----------------------|-----------------------|
| <i>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i> | <i>1.852.594.318</i> | <i>21.778.421.075</i> |
|---|----------------------|-----------------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Doanh thu bán LPG | 1.695.676.208.672 | 1.680.079.069.128 |
| Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas | 4.960.488.840 | 15.036.513.148 |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác | 24.720.922.981 | 8.165.505.333 |
| Tổng | 1.725.357.620.493 | 1.703.281.087.609 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--------------------------------------|---|---|
| Giá vốn bán LPG | 1.552.011.875.336 | 1.504.270.332.612 |
| Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác | 24.136.840.843 | 15.295.602.356 |
| Tổng | 1.576.148.716.179 | 1.519.565.934.968 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 2.793.043.737 | 4.779.008.778 |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | - | 3.244.751.244 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 165.660.000 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 1.172.351.590 | 2.643.417.263 |
| Tổng | 4.131.055.327 | 10.667.177.285 |
| Trong đó, <i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i> | <i>189.770.956</i> | <i>5.527.680.624</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.4 Chi phí tài chính

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Chi phí lãi vay | 12.681.737.965 | 23.841.553.911 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 11.036.815.463 | 2.394.304.659 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 3.835.434.866 | 501.500.000 |
| Lỗi do mất kiểm soát Công ty con | 3.229.134.166 | - |
| Chi phí tài chính khác | 424.000 | - |
| Tổng | 30.783.546.460 | 26.737.358.570 |

6.5 Chi phí bán hàng

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---------------------------------|---|---|
| Chi phí nhân viên | 40.542.532.770 | 49.326.469.050 |
| Chi phí nguyên vật liệu, bao bì | 5.310.419.998 | 9.049.399.423 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 26.154.580.280 | 22.597.141.546 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 2.141.871.145 | 2.445.322.041 |
| Chi phí bán hàng khác | 38.102.113.513 | 40.125.932.998 |
| Tổng | 112.251.517.706 | 123.544.265.058 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|-----------------------------------|---|---|
| Chi phí nhân viên quản lý | 14.956.527.601 | 16.174.229.408 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 139.824.504 | 202.491.137 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 10.133.864.370 | 10.228.536.295 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.471.278.972 | 2.192.030.389 |
| Thuế phí và lệ phí | 34.000.000 | 34.702.000 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 3.216.145.464 | 1.789.857.371 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 8.749.198.624 | 13.910.050.204 |
| Tổng | 40.700.839.535 | 44.531.896.804 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Lợi nhuận khác

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Thu nhập khác | | |
| Thanh lý công cụ dụng cụ | 2.124.095.646 | 83.960.000 |
| Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG | 1.908.481.533 | 1.927.260.684 |
| Các khoản khác | 681.160.531 | 699.824.097 |
| Tổng | 4.713.737.710 | 2.711.044.781 |
| Chi phí khác | | |
| Xử lý tài sản thiếu sau khi kiểm kê | - | 161.114.240 |
| Chi phí phạt vi phạm hành chính | 125.085.019 | 334.852.421 |
| Xuất thanh lý - huỷ van, dây, phụ kiện, hàng khuyến mãi | - | 339.327.713 |
| Chi phí thuê kho, văn phòng của chi nhánh, cửa hàng đang tạm ngưng hoạt động | 192.500.000 | 1.843.650.524 |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý | 104.818.245 | |
| Các khoản khác | - | 2.502.555 |
| Tổng | 422.403.264 | 2.681.447.453 |
| Lợi nhuận khác | 4.291.334.446 | 29.597.328 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| <i>Thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i> | - | 71.250.000 |

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---|---|---|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | - | 184.531.649 |
| Tổng | - | 184.531.649 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 124.000.000 | 116.313.288 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (10.779.221) | - |
| Tổng | 113.220.779 | 116.313.288 |

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | (26.539.667.986) | 2.450.677.404 |
| Các khoản điều chỉnh | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) | (26.539.667.986) | 2.450.677.404 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 37.339.542 | 37.339.542 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | (711) | 66 |

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 45.515.316.822 | 361.498.585.561 |
| Chi phí nhân công | 64.005.581.796 | 74.523.125.567 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại | 13.797.830.845 | 11.877.952.753 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 46.876.547.845 | 66.616.288.578 |
| Chi phí khác bằng tiền | 13.542.795.122 | 15.552.092.895 |
| Tổng | 183.738.072.430 | 530.068.045.354 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 30/7/2024, Công ty nhận được đơn từ nhiệm của Ông Shimbori Toshiyuki, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/2024/HĐQT-ASP ngày 02/8/2024 về việc tiếp nhận đơn từ nhiệm của Ông Shimbori Toshiyuki và tổ chức bầu cử bổ sung thành viên Ủy ban kiểm toán. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, công tác bầu cử bổ sung thành viên Ủy ban kiểm toán đang được tiến hành.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào khác, xét trên khía cạnh trọng yếu, cần được thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7.2 Các cam kết**a. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Từ 01 năm trở xuống | 6.547.588.500 | 6.459.336.000 |
| Từ 01 năm đến dưới 05 năm | 7.434.689.500 | 10.848.208.000 |
| Trên 05 năm | - | |
| Tổng | 13.982.278.000 | 17.307.544.000 |

b. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------|----------------------|------------|
| | VND | VND |
| Từ 01 năm trở xuống | 3.364.363.632 | - |
| Từ 01 năm đến dưới 05 năm | 3.925.090.904 | - |
| Trên 05 năm | - | - |
| Tổng | 7.289.454.536 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

| STT | Bên liên quan | Mối quan hệ |
|-----|--|--|
| 1 | Saisan Co., Ltd. | Cổ đông lớn |
| 2 | Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết |
| 3 | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | Công ty liên kết |
| 4 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết |
| 5 | Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết |
| 6 | Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết |
| 7 | Công ty Cổ phần LPG Biển Đông | Công ty liên kết |
| 8 | Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn) | Công ty con của Công ty liên kết |
| 9 | Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | Công ty liên kết |
| 10 | Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Công ty liên kết |
| 11 | Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) |
| 12 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn | Người có liên quan của Công ty đại chúng |
| 13 | Công ty TNHH Sopet Gas One | Người có liên quan của Công ty đại chúng |
| 14 | Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) |
| 15 | Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh | Công ty liên kết |
| 16 | Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết |
| 17 | Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này | Ảnh hưởng đáng kể |

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

| Họ và tên | Chức danh | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|-------------------------|--------------------|----------------|----------------|
| | | kết thúc | kết thúc |
| | | ngày 30/6/2024 | ngày 30/6/2023 |
| | | VND | VND |
| Ông Takehiko Kawamoto | Nguyên Chủ tịch | - | - |
| Ông Tomohiko Kawamoto | Chủ tịch | - | - |
| Ông Shimbori Toshiyuki | Thành viên độc lập | - | - |
| Ông Hosokoji Yu | Nguyên thành viên | - | - |
| Ông Yasuyoshi Kasahara | Nguyên thành viên | - | - |
| Ông Trần Minh Loan | Nguyên thành viên | - | - |
| Ông Kobayashi Naoki | Thành viên | - | - |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Thành viên độc lập | - | - |
| Tổng | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)**

| Họ và tên | Chức danh | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|------------------------|------------|----------------|----------------|
| | | kết thúc | kết thúc |
| | | ngày 30/6/2024 | ngày 30/6/2023 |
| | | VND | VND |
| Ông Hosokoji Yu | Chủ tịch | - | - |
| Ông Yasuyoshi Kasahara | Thành viên | - | - |
| Tổng | | - | - |

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 28/6/2024, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, không kể thành viên Hội đồng quản trị độc lập mới được bổ nhiệm, là 0 VND.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

| Họ và tên | Chức danh | Cho kỳ kế toán | Cho kỳ kế toán |
|---------------------|---|----------------------|----------------------|
| | | kết thúc | kết thúc |
| | | ngày 30/6/2024 | ngày 30/6/2023 |
| | | VND | VND |
| Ông Trần Minh Loan | Nguyên Tổng Giám đốc | 218.933.566 | 245.464.550 |
| Ông Kobayashi Naoki | Tổng Giám đốc | 260.332.116 | - |
| Ông Hosokoji Yu | Nguyên Phó Tổng Giám đốc | - | - |
| Ông Trần Duy Luân | Người phụ trách quản trị Công ty; Nguyên Giám đốc tài chính | 274.625.000 | 119.850.000 |
| Ông Huỳnh Bửu Tuấn | Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán | 315.719.878 | 299.443.352 |
| Ông Lại Văn Tú | Kế toán trưởng | 258.080.308 | 237.750.000 |
| Ông Vũ Thanh Hòa | Người phụ trách công bố thông tin (đến ngày 17/10/2023) | 386.389.980 | 369.769.550 |
| Ông Ngô Mạnh Hùng | Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty (đến ngày 13/5/2024) | - | - |
| Tổng | | 1.714.080.848 | 1.272.277.452 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---|---|---|---|---|
| Mua hàng | | | 13.874.463.039 | 10.882.719.869 |
| Saisan Co., Ltd. | Cổ đông lớn | Phí bảo lãnh tính dụng | 214.729.411 | 2.615.962.501 |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | Công ty liên kết | Phí bảo lãnh tính dụng | - | 35.668.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Quang | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | Mua hàng hóa, dịch vụ | - | 2.242.233.300 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết | Cước vận chuyển, thuê xe | (ii) | 2.150.793.865 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Công ty liên kết | Phí thuê kho gửi LPG, mua LPG, thuê xe | 118.594.171 | 83.258.589 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | Cước vận chuyển, thuê xe | 1.025.094.543 | 1.227.272.724 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | Phí vận chuyển, chiết nạp | 2.869.804.457 | 2.209.770.829 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn) | Công ty con của Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 1.183.206.660 | - |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 735.382.800 | - |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | Mua hàng hóa | 1.543.753.189 | - |
| Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết | Phí chiết nạp | (iii) | 317.760.061 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết | Mua hàng hóa, dịch vụ | 6.072.838.133 | (i) |
| | Công ty liên kết | Mua hàng hóa, dịch vụ | 111.059.675 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)
b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|---|---|-------------------------------|---|---|
| <u>Bán hàng</u> | | | 527.370.648.916 | 373.378.487.272 |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | Công ty liên kết | Bán hàng hóa, dịch vụ khác | 821.591.948 | 566.316.842 |
| Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Quang | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | Bán LPG và hàng hóa khác | (ii) | 19.529.128.770 |
| Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết | Bán LPG | 29.197.262.159 | 25.430.107.951 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Công ty liên kết | Bán LPG và hàng hóa khác | 17.848.158.985 | 22.116.520.426 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | Bán hàng hóa, cho thuê xe | 1.300.888.889 | 37.255.326.327 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | Bán LPG và dịch vụ khác | 57.057.700 | 104.618.195.092 |
| Công ty Cổ phần LPG Biển Đông | Công ty liên kết | Bán LPG và dịch vụ khác | 101.232.756.408 | 98.735.110.207 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | Công ty liên kết | Bán LPG | 44.699.249.834 | 60.031.083.250 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | Bán LPG, cho thuê xe | - | 5.096.698.407 |
| Công ty TNHH Sopot Gas One | Người có liên quan của Công ty đại chúng | Bán LPG và dịch vụ khác | 73.701.010.732 | - |
| Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết | Bán LPG và dịch vụ khác | 256.040.499.806 | (i) |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết | Bán LPG, cho thuê xe | 2.472.172.455 | - |

11/11/2024
 H
 T
 019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND | Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND |
|--|---|--------------------------|---|---|
| <u>Giảm trừ doanh thu</u> | | | 1.852.594.318 | 21.778.421.075 |
| Công ty TNHH LPG Tiên Phát | Công ty liên kết | Chiết khấu thương mại | - | 17.021.710.658 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | Chiết khấu thương mại | - | 3.758.879.091 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | Chiết khấu thương mại | (iii) | 257.827.690 |
| Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh | Công ty liên kết | Chiết khấu thương mại | - | 740.003.636 |
| Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết | Chiết khấu thương mại | 1.852.594.318 | - |
| <u>Giao dịch cho vay</u> | | | 2.400.000.000 | 950.000.000 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | Tiền gốc chi cho vay | 1.450.000.000 | - |
| Công ty TNHH LPG Tiên Phát | Công ty liên kết | Tiền gốc cho vay thu hồi | 950.000.000 | 950.000.000 |
| <u>Doanh thu hoạt động tài chính</u> | | | 189.770.956 | 5.527.680.624 |
| Công ty TNHH LPG Tiên Phát | | Lãi vay | 144.483.286 | 3.045.822.519 |
| Công ty Cổ phần LPG Biên Đông | | Lãi chậm thanh toán | - | 190.980.209 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | | Lãi chậm thanh toán | - | 2.045.164.905 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | | Lãi chậm thanh toán | - | 245.712.991 |
| | | Lãi vay | 45.287.670 | - |
| <u>Thu nhập khác</u> | | | - | 71.250.000 |
| Saisan Co., Ltd. | Cổ đông lớn | Xuất bán vỏ chai LPG | - | 71.250.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

| Bên liên quan | Mối quan hệ | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|--|---------------------------|---------------------------|
| <u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u> | | 294.962.112.349 | 278.687.690.835 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết | 29.326.644.264 | 28.892.655.888 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Công ty liên kết | 7.011.393.452 | 7.338.179.159 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | 2.042.371.257 | 24.422.300.737 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | - | 60.106.468.187 |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lòng Hoàng Anh | Công ty liên kết | - | 12.346.196.223 |
| Công ty Cổ phần LPG Biển Đông | Công ty liên kết | 39.330.889.992 | 49.642.042.138 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | Công ty liên kết | 10.891.375.669 | 26.488.590.564 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | (iii) | 9.101.555.929 |
| Công ty TNHH Sopet Gas One | Người có liên quan của Công ty đại chúng | 15.097.218.442 | 15.685.914.820 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn | Người có liên quan của Công ty đại chúng | 37.363.096.528 | 44.663.787.190 |
| Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết | 153.136.134.575 | (i) |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn) | Công ty con của Công ty liên kết | 173.932.825 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết | 589.055.345 | - |
| <u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u> | | 24.995.000.000 | 24.995.000.000 |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | Công ty liên kết | 24.995.000.000 | 24.995.000.000 |
| <u>Phải thu khác ngắn hạn</u> | | 1.431.004.555 | 4.018.721.101 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết | 846.044.536 | - |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | 416.664.855 | - |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | 22.206.575 | - |
| Saisan Co., Ltd. | Cổ đông lớn | - | 3.618.721.101 |
| Công ty Cổ phần LPG Biển Đông | Công ty liên kết | 146.088.589 | - |
| Ông Lại Văn Tú | Kế toán trưởng | - | 400.000.000 |
| <u>Phải thu về cho vay</u> | | 18.512.320.000 | 18.012.320.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết | 8.217.320.000 | 8.217.320.000 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Công ty liên kết | 5.520.000.000 | 5.520.000.000 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | 3.325.000.000 | 4.275.000.000 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | 1.450.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

| Bên liên quan | Mối quan hệ | 30/06/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|---|--|-----------------------|-----------------------|
| <u>Phải trả người bán ngắn hạn</u> | | 3.739.938.994 | 3.101.992.899 |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | Công ty liên kết | 41.902.488 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết | - | 1.829.750.457 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | 2.167.522.632 | 609.386.810 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | 896.005.643 | - |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | (iii) | 210.070.572 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | Công ty liên kết | 244.470.753 | 384.790.353 |
| Công ty TNHH Sopet Gas One | Người có liên quan của Công ty đại chúng | - | 67.994.707 |
| Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết | 340.337.942 | (i) |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết | 49.699.536 | - |
| <u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u> | | 49.720.833 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Công ty liên kết | 49.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết | 520.833 | - |
| <u>Phải trả khác</u> | | 48.716.387.760 | 11.828.516.284 |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas | Công ty liên kết | - | 1.895.880.000 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát | Công ty liên kết | 243.935.000 | 9.914.313.254 |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung | Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023) | (iii) | 18.323.030 |
| Công ty Cổ phần MT Gas | Công ty liên kết | 48.472.452.760 | (i) |

- (i) Công ty Cổ phần MT Gas trở thành Công ty liên kết trong năm 2024, do vậy, Công ty không trình bày số liệu so sánh.
- (ii) Trong năm 2024, Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang là Công ty con của Công ty.
- (iii) Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung không còn là bên liên quan của Công ty từ ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được điều chỉnh hồi tố, chi tiết trình bày dưới đây.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 (tóm lược)

| | | Số đã trình bày năm trước VND | Số trình bày lại VND | Điều chỉnh hồi tố VND | Ghi chú |
|-------------------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 1.309.627.181.665 | 1.218.787.408.937 | (90.839.772.728) | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 890.473.498.514 | 799.633.725.786 | (90.839.772.728) | |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 836.463.678.770 | 745.623.906.042 | (90.839.772.728) | (i) |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 962.228.479.381 | 993.658.991.252 | 31.430.511.871 | |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | 556.932.013.322 | 588.362.525.193 | 31.430.511.871 | |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 544.752.264.660 | 576.182.776.531 | 31.430.511.871 | (i) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 2.271.855.661.046 | 2.212.446.400.189 | (59.409.260.857) | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 1.881.448.429.012 | 1.891.889.442.914 | 10.441.013.902 | |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 1.647.573.925.363 | 1.646.216.619.310 | (1.357.306.053) | |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 13.848.214.203 | 12.490.908.150 | (1.357.306.053) | (ii) |
| Nợ dài hạn | 330 | 233.874.503.649 | 245.672.823.604 | 11.798.319.955 | |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 9.305.685.464 | 21.104.005.419 | (11.798.319.955) | (ii) |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 390.407.232.034 | 320.556.957.275 | (69.850.274.759) | |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 390.407.232.034 | 320.556.957.275 | (69.850.274.759) | |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (14.917.352.286) | (84.767.270.589) | (69.849.918.303) | |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | <i>(83.431.904.385)</i> | <i>(153.281.822.688)</i> | <i>(69.849.918.303)</i> | |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 423 | 30.189.286.104 | 30.188.929.648 | (356.456) | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 2.271.855.661.046 | 2.212.446.400.189 | (59.409.260.857) | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

(i) Công ty điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận thu nhập khác từ việc chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình do giao dịch này không đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong năm 2023, chi tiết các thông tin thuyết minh bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh hồi tố như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5.3) (tóm lược)

| | 01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND | 01/01/2024 (Số trình bày lại) VND | Chênh lệch VND |
|--------------------------------|--------------------------------------|---|-------------------------|
| Công ty TNHH Dầu khí Phát Tiến | 99.923.750.000 | 9.083.977.272 | (90.839.772.728) |
| Tổng | 836.463.678.770 | 745.623.906.042 | (90.839.772.728) |

Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 5.9) (tóm lược)

| | 01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND | 01/01/2024 (Số trình bày lại) VND | Chênh lệch VND |
|---|--------------------------------------|---|-----------------------|
| b) Dài hạn | 544.752.264.660 | 576.182.776.531 | 31.430.511.871 |
| Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG | 225.733.917.950 | 257.164.429.821 | 31.430.511.871 |
| Tổng | 551.869.036.011 | 583.299.547.882 | 31.430.511.871 |

(ii) Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố nghiệp vụ ghi nhận thu nhập khác tại mục (i), giá trị dự phòng giảm giá đầu tư của khoản đầu tư vào Công ty con được điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính riêng, từ đó ảnh hưởng đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất, chi tiết như sau:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 5.10) (tóm lược)

| | 01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND | 01/01/2024 (Số trình bày lại) VND | Chênh lệch VND |
|---|--------------------------------------|---|------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.872.919.648 | 515.613.595 | (1.357.306.053) |
| Tổng các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13.848.214.203 | 12.490.908.150 | (1.357.306.053) |

1197
TY
H
AN
AM
-VP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)*Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Thuyết minh 5.14) (tóm lược)*

| | 01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND | 01/01/2024 (Số trình bày lại) VND | Chênh lệch VND |
|--|--------------------------------------|---|-----------------------|
| b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | | |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 9.305.685.464 | 21.104.005.419 | 11.798.319.955 |
| Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 9.305.685.464 | 21.104.005.419 | 11.798.319.955 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

